



dì wáng

帝王

noun · emperor; monarch

Example Sentences

Gǔ dài dì wáng yōng yǒu hěn dà de quán lì
古代帝王 拥有很大的权力。

Ancient emperors had great power.

Zhè wèi dì wáng zài wèi qī jiān tuī xíng le xǔ duō gǎi gé
这位帝王在位期间推行了许多改革。

This emperor implemented many reforms during his reign.

Trace each character, then write the word on your own.

帝 帝 帝 帝 帝 帝 帝 帝 帝 帝 帝

帝